

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM-ST

Ngày 31-5-2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Dá

Ông Nguyễn Thành Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng K; địa chỉ trụ sở: Phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đoàn Văn H - Giám đốc Phòng giao dịch huyện T chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo văn bản ủy quyền số 1418/QĐ-NHKL ngày 01-7-2020 và số 676/UQ-NHKL ngày 28-10-2020; địa chỉ liên hệ: Số 333 Quốc lộ 1A, Ấp 1, thị trấn Phú Lộc, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- Bị đơn:

+ Ông Lê Tân T; địa chỉ nơi cư trú: Ấp H, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

+ Bà Tăng Thị T2; địa chỉ đăng ký thường trú: Ấp X, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ hiện trú: Ấp H, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Thạch Thị Châu P; địa chỉ nơi cư trú: Ấp G, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị T3; địa chỉ nơi cư trú: Ấp G, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Kỳ V; địa chỉ nơi cư trú: Ấp G, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28-10-2020, biên bản hòa giải ngày 29-03-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng K có người đại diện hợp pháp trình bày ông Lê Tân T, bà Tăng Thị T2 có ký kết với Ngân hàng K (sau đây gọi là Ngân hàng) Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 333/18/HĐHM/2102-7640 và Hợp đồng tín dụng từng lần số 333/18/HĐTD/2102-7640 cùng ngày 15-11-2018 vay số tiền 40.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn bán trà sữa, mì cay, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay 13,5%/năm (LSV có thay đổi)... theo Hợp đồng tín dụng; để đảm bảo khoản vay trên, cùng ngày 15-11-2018, bà Thạch Thị Châu P và ông T, bà T2 đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 333/18/HĐTC-BĐS/2102-7640 với Ngân hàng để thế chấp quyền sử dụng đất số CI 433747 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà P ngày 27-10-2017 thửa đất số 230, tờ bản đồ số 10, diện tích 36,1m², tọa lạc ấp G, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; quá trình vay vốn, ông T và bà T2 vi phạm Hợp đồng, tính đến ngày 31-5-2021 ông T và bà T2 còn nợ số tiền 50.445.969 đồng (trong đó nợ gốc 39.690.411 đồng, lãi quá hạn 10.755.558 đồng). Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà T2 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền trên và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán dứt nợ; nếu bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông T và bà T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ tiền còn nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22-03-2021, biên bản hòa giải ngày 29-03-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Tân T trình bày bà Tăng Thị T2 là vợ của ông có đăng ký thường trú tại ấp X, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nhưng hiện trú tại Ấp H, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cùng nhà với ông, do bà T2 bận chăm sóc con nhỏ nên không đến Tòa án được; ông thừa nhận có cùng bà T2 vay số tiền 40.000.000 đồng của Ngân hàng để bổ sung vốn bán trà sữa, mì cay cho cơ sở kinh doanh của vợ chồng ông là Hộ kinh doanh quán nước giải khát Kim T2 (theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 59F8003519 ngày 19-4-2018); khi vay có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất do bà P đứng tên như Ngân hàng trình bày; vợ chồng ông đã nhận đủ tiền vay nhưng đến nay chưa trả vốn, lãi phát sinh cho Ngân hàng; nay ông thống nhất số tiền nợ vốn và lãi phát sinh trên, tuy nhiên ông xin gia hạn thêm thời gian trả nợ, còn nếu sau đó mà ông vẫn không trả hoặc trả không đầy đủ tiền nợ cho Ngân hàng thì đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25-01-2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Châu P trình bày bà có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 333/18/HĐTC-BĐS/2102-7640 ngày 15-11-2018 với Ngân hàng để thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 230, tờ bản đồ số 10, tọa lạc ấp G, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng đảm bảo tiền vay cho ông T, bà T2; nguồn gốc quyền sử dụng đất thửa 230 trên là của bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27-10-2017, còn căn nhà trên đất là của bà được Nhà nước hỗ trợ tiền xây dựng khoảng 05-06 năm nay (bà không nhớ rõ năm) và bà đang ở cùng hai người cháu còn nhỏ tuổi, bà sẽ liên hệ bà T2, ông T trả nợ cho Ngân hàng để không phải xử lý tài sản của bà.

Bị đơn bà Tăng Thị T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn Kỳ V đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng đương sự trên vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thống nhất thỏa thuận với ông T về kế hoạch trả nợ, bà T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn ông T đã chấp hành các quy định, bị đơn bà T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh quan hệ pháp luật tranh chấp là kinh doanh thương mại và xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các bị đơn về nghĩa vụ trả tiền vốn vay, tiền lãi phát sinh và xem xét cho xử lý các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết, tuy nhiên ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn T về kế hoạch trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, ông T xác định việc vay tiền của Ngân hàng sử dụng mục đích bổ sung vốn bán trà sữa, mì cay và cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 59F8003519 ngày 19-4-2018 (Hộ kinh doanh quán nước giải khát Kim T2). Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông T, bà T2 là tranh chấp kinh doanh thương mại về “*hợp đồng tín dụng*” theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 14, 16 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử điều chỉnh lại quan hệ pháp luật tranh chấp như trên; ông T và bà T2 hiện trú Ấp H, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tại phiên tòa, bà T2 và bà P, bà T3, ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T2, bà P, bà T3, ông V.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông T, bà T2 về nợ vay theo Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 333/18/HĐHM/2102-7640 và Hợp đồng tín dụng từng lần số 333/18/HĐTD/2102-7640 cùng ngày 15-11-2018. Thấy rằng, các Hợp đồng tín dụng trên được ký kết giữa Ngân hàng với ông T, bà T2 trên cơ sở ý chí tự nguyện thỏa thuận, ông bà đã nhận đủ tiền vay nhưng vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T cũng thừa nhận số tiền nợ như trên. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà T2 phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 31-5-2021 là 50.445.969 đồng (trong đó nợ gốc 39.690.411 đồng, nợ lãi quá hạn 10.755.558 đồng) và tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán xong nợ với mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp ý chí thỏa thuận giữa hai bên, đúng quy định tại Điều 117, Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và hướng dẫn tại Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu về Hợp đồng thế chấp số 333/18/HĐTC-BDS/2102-7640 ngày 15-11-2018 ký kết giữa bà P, ông T, bà T2 với Ngân hàng trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên và được chứng thực, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T (bút lục số 44-48, 54-55). Nội dung thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 230, tờ bản đồ số 10, diện tích 36,1m², tọa lạc ấp G, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 433747 (sổ vào sổ cấp GCN: CH04161) do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà P ngày 27-10-2017 để đảm bảo nghĩa vụ của ông T, bà T2 với Ngân hàng tại khoản 2 Điều 1 Hợp đồng thế chấp (bút lục số 44), nên Hợp đồng thế chấp có hiệu lực theo quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323, Điều 500, Điều 502 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 166, Điều 167 Luật Đất đai năm 2013. Do ông T, bà T2 đã vi phạm hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng thế chấp và đúng quy định tại Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Qua xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25-12-2020 thể hiện trên quyền sử dụng đất thế chấp có một căn nhà (kết cấu mái tol, vách tường + thiết, nền lát gạch, cửa gỗ, mái hiên che thiết) hiện do bà P đang trực tiếp quản lý, sử dụng (bút lục số 83-84) là căn nhà đại đoàn kết hộ bà P được hỗ trợ năm 2015 (bút lục số 105-107). Tòa án đã đưa bà Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn Kỳ V là thành viên hộ bà P vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng các ông, bà cũng không ai có ý kiến gì gửi đến Tòa án (bút lục số 115). Do hiện ông T, bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nên Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý quyền sử dụng đất thế chấp và tài sản gắn liền trên là phù hợp thỏa thuận giữa các bên tại Điều 4, Điều 5 Hợp đồng thế chấp và

đúng quy định tại Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 325 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng và ông T thỏa thuận kế hoạch trả nợ và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận đến ngày 30-6-2021, ông T thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn 15.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 31-5-2021 là 10.755.558 đồng và lãi phát sinh đến ngày 30-6-2021 (nếu có) theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết; đến ngày 30-9-2021, ông T thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn còn lại là 24.690.411 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 30-9-2021 (nếu có) theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết; nếu ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ tiền nợ trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Xét thấy, việc thỏa thuận kế hoạch trả nợ trên giữa đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Qua những phân tích như đã nêu trên, có cơ sở chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Ông T, bà T2 có nghĩa vụ liên đới chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo hướng dẫn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và liên đới chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 280, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323, Điều 325, Điều 500, Điều 502 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 166, Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K, buộc ông Lê Tân T và bà Tăng Thị T2 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng K tổng số tiền 50.445.969 đồng, trong đó nợ vốn là 39.690.411 đồng và nợ lãi tính đến ngày 31-5-2021 là 10.755.558 đồng theo Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 333/18/HĐHM/2102-7640 và Hợp đồng tín dụng từng lần số 333/18/HĐTD/2102-7640 cùng ngày 15-11-2018.

1.1 Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa Ngân hàng K với ông Lê Tân T kế hoạch trả tiền nợ theo Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 333/18/

HĐHM/2102-7640 và Hợp đồng tín dụng từng lần số 333/18/HĐTD/2102-7640 cùng ngày 15-11-2018 như sau:

- Đến ngày 30-6-2021, ông Lê Tân T thanh toán cho Ngân hàng K số tiền vốn 15.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 31-5-2021 là 10.755.558 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 30-6-2021 (nếu có) theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Đến ngày 30-9-2021, ông Lê Tân T thanh toán cho Ngân hàng K số tiền vốn 24.690.411 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 30-9-2021 (nếu có) theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

1.2 Kể từ ngày 01-6-2021, nếu ông Lê Tân T, bà Tăng Thị T2 không thanh toán đủ số tiền trên cho Ngân hàng K thì ông T, bà T2 còn phải trả lãi phát sinh với mức lãi suất quá hạn được thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 333/18/HĐHM/2102-7640 và Hợp đồng tín dụng từng lần số 333/18/HĐTD/2102-7640 cùng ngày 15-11-2018 trên số tiền vốn vay chưa thanh toán. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất của khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3 Trường hợp ông Lê Tân T, bà Tăng Thị T2 không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ trên cho Ngân hàng K thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 333/18/HĐTC-BDS/2102-7640 ngày 15-11-2018 là Quyền sử dụng đất thửa đất số 230, tờ bản đồ số 10, tọa lạc ấp G, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 433747 (số vào sổ cấp GCN: CH04161) do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Thạch Thị Châu P ngày 27-10-2017 và tài sản gắn liền thuộc quyền sở hữu của bà Thạch Thị Châu P (căn nhà kết cấu mái tol, vách tường + thiết, nền lát gạch, cửa gỗ, mái hiên che thiết).

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông Lê Tân T, bà Tăng Thị T2 phải liên đới chịu 3.000.000 đồng.

- Ngân hàng K không phải chịu, hoàn trả cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.134.232 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003345 ngày 24-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ông Lê Tân T và bà Tăng Thị T2 phải liên đới chịu 600.000 đồng, do Ngân hàng K đã nộp tạm ứng trước nên ông T và bà T2 có nghĩa vụ liên đới nộp hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền trên.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Nhân